

ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG, VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ

NGÔ THỊ THU HUYỀN

Khoa Đào tạo Luật sư, Học viện Tư pháp

Faculty of Lawyer Training, Judicial Academy

Email: huyenngo39hlu@gmail.com.

Ngày nhận bài: 22/7/2026

Ngày sửa bài: 10/8/2026

Ngày duyệt đăng bài: 25/8/2026

Tóm tắt:

Bài viết phân tích thực trạng áp dụng pháp luật trong giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam trong bối cảnh số hóa và tài sản trí tuệ ngày càng gia tăng giá trị. Trên cơ sở phân tích pháp luật và thực tiễn, bài viết đánh giá các phương thức thương lượng, hòa giải, trọng tài thương mại và Tòa án; đồng thời chỉ ra những vướng mắc về chứng cứ điện tử, giám định, chứng minh thiệt hại, thời gian giải quyết và tính chuyên môn hóa. Từ đó, bài viết đề xuất hoàn thiện hướng dẫn áp dụng pháp luật, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tòa Sở hữu trí tuệ và phát huy các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế trong môi trường số.

Từ khóa: quyền sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp, chứng cứ điện tử, Tòa Sở hữu trí tuệ, trọng tài thương mại.

Application of law in resolving intellectual property rights disputes in Vietnam: Current practice, obstacles, and recommendations

Abstract:

This study analyzes the application of law in resolving intellectual property rights disputes in Vietnam amid digitalization and the increasing value of intellectual assets. Based on legal and practical analysis, it evaluates negotiation, mediation, commercial arbitration, and court litigation as dispute resolution mechanisms. The study also identifies difficulties relating to electronic evidence, expert assessment, proof of damages, resolution time, and judicial specialization. On this basis, the study proposes improving legal guidance, enhancing the effectiveness of Intellectual Property Courts, and promoting alternative dispute resolution mechanisms in the digital environment.

Keywords: intellectual property rights, dispute resolution, electronic evidence, Intellectual Property Court, commercial arbitration

1. Đặt vấn đề

Tài sản trí tuệ ngày càng trở thành nguồn lực cạnh tranh quan trọng, gắn với đầu tư, chuyển giao công nghệ, thương mại điện tử và kinh doanh xuyên biên giới. Đặc tính vô hình, khả năng sao chép nhanh và sự phụ thuộc vào dữ liệu số khiến việc xác định phạm vi quyền, hành vi xâm phạm và thiệt hại ngày càng phức tạp (WIPO, 2004). Việt Nam đã xây dựng hệ thống cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tương đối đa dạng, gồm tự bảo vệ, dân sự, hành chính, hình sự, trọng tài và Tòa án (Quốc hội, 2005).

Trong bối cảnh pháp luật về sở hữu trí tuệ và tổ chức Tòa án có những thay đổi đáng chú ý giai đoạn 2025-2026, thực tiễn giải quyết tranh chấp vẫn đặt ra nhiều vấn đề về chứng cứ điện tử, giám định, xác định thiệt hại và chuyên môn hóa xét xử (Quốc hội, 2025a, 2025b; Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2025). Vì vậy, bài viết tập trung đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật trong giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ, nhận diện những vướng mắc chủ yếu và đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền tại Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và đối chiếu quy phạm pháp luật; đồng thời kết hợp nghiên cứu thực tiễn thông qua các văn bản pháp luật, tài liệu của cơ quan có thẩm quyền và một số bản án được công bố nhằm đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật trong giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam.

3. Kết quả và thảo luận kết quả nghiên cứu

3.1. Cơ sở pháp lý và yêu cầu đặc thù của giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ

3.1.1. Khung khổ pháp luật hiện hành

Cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam được điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, gần nhất là Luật số 131/2025/QH15. Việc thực thi được cụ thể hóa bởi các nghị định, thông tư về quyền tác giả, quyền liên quan, sở hữu công nghiệp và xử lý vi phạm hành chính. Ở phương diện dân sự và tố tụng, Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và Nghị định số 22/2017/NĐ-CP là những căn cứ quan trọng cho việc giải quyết tranh chấp bằng Tòa án, trọng tài và hòa giải thương mại (Quốc hội, 2005, 2015, 2025a, 2025b; Chính phủ, 2017, 2023, 2026).

Ở bình diện quốc tế, Hiệp định TRIPS đặt ra các yêu cầu về thủ tục dân sự, tiếp cận chứng cứ, biện pháp khẩn cấp tạm thời và biện pháp khắc phục, qua đó cho thấy hiệu quả bảo vệ quyền phụ thuộc không chỉ vào nội dung quyền mà còn vào chất lượng của cơ chế thực thi (World Trade Organization, 1994). Cần phân biệt tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ với hành vi xâm phạm quyền; xử lý vi phạm hành chính là cơ chế quản lý nhà nước và không thể thay thế hoàn toàn các yêu cầu về xác định quyền, nghĩa vụ hợp đồng hoặc bồi thường thiệt hại.

3.1.2. Những yêu cầu đặc thù của tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ

Tranh chấp sở hữu trí tuệ có một số đặc thù nổi bật. Thứ nhất, đối tượng tranh chấp chủ yếu là tài sản vô hình, thường đòi hỏi kết hợp kiến thức pháp lý với chuyên môn kỹ thuật để xác định phạm vi bảo hộ, mức độ tương tự hoặc hành vi sao chép. Thứ hai, chứng cứ, đặc biệt là chứng cứ điện tử, dễ bị thay đổi, xóa bỏ hoặc dịch chuyển, đòi hỏi phải được thu thập và bảo toàn có hệ thống. Thứ ba, thiệt hại thường khó lượng hóa do chịu tác động của nhiều yếu tố thị trường, đồng thời gắn với doanh thu, lợi nhuận, uy tín, thị phần và khả năng khai thác quyền trong tương lai. Đây là những yếu tố trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết và khả năng bảo vệ lợi ích của chủ thể quyền.

3.2. *Thực tiễn áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp*

Các phương thức giải quyết tranh chấp không tồn tại theo quan hệ thay thế tuyệt đối. Mỗi phương thức có ưu thế riêng về tính linh hoạt, bảo mật, chuyên môn, khả năng cưỡng chế hoặc hiệu lực của kết quả giải quyết. Việc lựa chọn cần xuất phát từ bản chất tranh chấp, mục tiêu của chủ thể quyền, khả năng hợp tác của bên còn lại, trạng thái chứng cứ và yêu cầu về tốc độ xử lý.

3.2.1. *Thương lượng và hòa giải*

Thương lượng có ưu điểm về tính linh hoạt, chi phí thấp và khả năng tạo ra các giải pháp phù hợp với lợi ích thương mại như điều chỉnh li-xăng, đồng tồn tại, chuyển nhượng quyền hoặc thỏa thuận chấm dứt sử dụng. Hòa giải có thêm sự tham gia của bên thứ ba trung lập, được điều chỉnh bởi Nghị định số 22/2017/NĐ-CP, qua đó hỗ trợ các bên tìm kiếm giải pháp trên cơ sở tự nguyện và bảo mật.

Tuy nhiên, 2 phương thức này phụ thuộc vào thiện chí của các bên và không phù hợp khi cần ngăn chặn ngay hành vi xâm phạm hoặc bảo toàn chứng cứ. Vì vậy, thương lượng, hòa giải cần được tiến hành đồng thời với việc đánh giá chứng cứ, thời hiệu và khả năng sử dụng cơ chế tài phán (Chính phủ, 2017).

3.2.2. *Trọng tài thương mại*

Trọng tài có ưu thế về tính bảo mật, thủ tục linh hoạt, khả năng lựa chọn trọng tài viên có chuyên môn và tính chung thẩm của phán quyết. Phương thức này phù hợp với các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng li-xăng, chuyển nhượng quyền, chuyển giao công nghệ và khai thác nội dung khi có thỏa thuận trọng tài hợp lệ (Quốc hội, 2010). Tuy nhiên, trọng tài không áp dụng mặc nhiên cho mọi tranh chấp sở hữu trí tuệ; hiệu quả của phương thức này phụ thuộc trước hết vào sự tồn tại và phạm vi của thỏa thuận trọng tài.

3.2.3. *Giải quyết tại Tòa án và bước chuyển sang chuyên môn hóa*

Tòa án giữ vai trò trung tâm khi cần phán quyết có quyền lực nhà nước về xác định quyền, chấm dứt hành vi xâm phạm, bồi thường thiệt hại hoặc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Từ ngày 01/7/2025, việc tổ chức Tòa Sở hữu trí tuệ tại TAND khu vực 2 - Hà Nội và TAND khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tạo điều kiện chuyên môn hóa hoạt động xét xử, tích lũy kinh nghiệm và nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 2025).

Tuy nhiên, hiệu quả chuyên môn hóa còn phụ thuộc vào chất lượng đánh giá chứng cứ, giám định và tốc độ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Trong môi trường số, việc chậm ngăn chặn hành vi xâm phạm có thể làm suy giảm đáng kể giá trị kinh tế của quyền. Do đó, hiệu quả giải quyết cần được đánh giá không chỉ ở tính đúng đắn của phán quyết mà còn ở khả năng bảo vệ quyền kịp thời.

3.3. *Những vướng mắc chủ yếu trong áp dụng pháp luật*

Từ khuôn khổ pháp luật và cách thức vận hành các phương thức nêu trên có thể nhận diện bốn nhóm vướng mắc có tính liên kết: tính thống nhất trong áp dụng quy phạm, khả năng tiếp cận và đánh giá chứng cứ, chứng minh thiệt hại và năng lực tổ chức thực thi. Các vướng mắc này không hoàn toàn bắt nguồn từ thiếu quy định mà nhiều trường hợp xuất phát từ khoảng cách giữa quy định và điều kiện thực hiện.

3.3.1. *Khó bảo đảm cách hiểu thống nhất đối với vấn đề có tính kỹ thuật*

Các khái niệm như mức độ tương tự, khả năng gây nhầm lẫn, yếu tố xâm phạm và phạm vi bảo hộ thường đòi hỏi đánh giá theo từng vụ việc. Sự phát triển của môi trường số càng làm phức tạp việc xác định chủ thể, nguồn dữ liệu và hành vi xâm phạm khi thông tin có thể xuất hiện đồng thời trên nhiều nền tảng, kể cả ngoài lãnh thổ Việt Nam.

3.3.2. Chứng cứ điện tử, giám định và khả năng tiếp cận chứng cứ

Chủ thể quyền thường khó tiếp cận các dữ liệu do bên bị cho là vi phạm hoặc nền tảng trung gian nắm giữ, như doanh thu, giao dịch, dữ liệu truy cập và chuỗi cung ứng. Đối với chứng cứ điện tử, cần bảo đảm khả năng xác thực nguồn, thời điểm và tính toàn vẹn của dữ liệu. Giám định có vai trò hỗ trợ trong các vấn đề kỹ thuật nhưng kết luận giám định phải được đánh giá cùng các chứng cứ khác, không thay thế nhận định pháp lý của cơ quan giải quyết tranh chấp (Quốc hội, 2015a).

3.3.3. Chứng minh thiệt hại và xác định mức bồi thường

Mặc dù pháp luật đã quy định căn cứ xác định thiệt hại và mức bồi thường, việc chứng minh mối quan hệ giữa hành vi xâm phạm với tổn thất thực tế vẫn gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt, các dữ liệu về doanh thu, lợi nhuận, số lượng giao dịch và phạm vi phân phối thường do bị đơn hoặc bên thứ ba nắm giữ (Quốc hội, 2005; Quốc hội, 2025a).

3.3.4. Thời gian giải quyết, tính chuyên môn hóa và phối hợp thực thi

Việc thu thập chứng cứ, giám định, định giá và xử lý các yếu tố kỹ thuật hoặc nước ngoài có thể kéo dài thời gian giải quyết, trong khi giá trị thương mại của nhiều sản phẩm, công nghệ và nội dung số thay đổi nhanh. Việc thành lập Tòa Sở hữu trí tuệ tạo điều kiện chuyên môn hóa xét xử, nhưng cần tiếp tục nâng cao năng lực của thẩm phán, luật sư, trọng tài viên, hòa giải viên, giám định viên và tăng cường phối hợp giữa các cơ quan thực thi. Đồng thời, chủ thể quyền cần chủ động quản trị quyền, hợp đồng, giám sát thị trường và lưu giữ chứng cứ ngay từ đầu.

3.4. Kiến nghị nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ

Các kiến nghị cần đặt trong bối cảnh pháp luật vừa có những sửa đổi lớn trong giai đoạn 2025-2026. Do đó, trọng tâm trước mắt không phải tiếp tục gia tăng số lượng quy định, mà là làm rõ cách áp dụng, bảo đảm sự vận hành đồng bộ của thiết chế mới và xây dựng công cụ thực hành giúp các chủ thể sử dụng quy định hiện có hiệu quả hơn.

3.4.1. Hoàn thiện hướng dẫn áp dụng về chứng cứ, giám định và thiệt hại

Cần thống nhất hướng dẫn về các tiêu chí thường gây tranh luận như mức độ tương tự, khả năng gây nhầm lẫn, phạm vi bảo hộ và yếu tố kỹ thuật. Đồng thời, cần có hướng dẫn cụ thể về thu thập, xác thực, bảo toàn chứng cứ điện tử và cơ chế tiếp cận dữ liệu do bên thứ ba nắm giữ. Đối với thiệt hại, nên xây dựng các phương pháp và tình huống tham khảo về xác định doanh thu, lợi nhuận, giá chuyển giao quyền và các tổn thất kinh tế phù hợp với từng loại tranh chấp.

3.4.2. Phát huy hiệu quả của Tòa Sở hữu trí tuệ và cơ chế chuyên gia

Việc tổ chức Tòa Sở hữu trí tuệ cần được gắn với chuyên môn hóa thực chất thông qua đào tạo thường xuyên, phân công thẩm phán theo lĩnh vực và tăng cường sử dụng chuyên gia kỹ thuật. Bản án cần thể hiện rõ quá trình xác định quyền, phạm vi bảo hộ, hành vi tranh chấp, chứng cứ, thiệt hại và biện pháp khắc phục. Đồng thời, cần xây dựng cơ sở dữ liệu bản án, quyết định về sở hữu trí tuệ có khả năng tra cứu thuận tiện, góp phần thống nhất áp dụng pháp luật.

3.4.3. Phát huy hòa giải và trọng tài đối với tranh chấp phù hợp

Đối với tranh chấp phát sinh từ hợp đồng, các bên cần thiết kế rõ điều khoản giải quyết tranh chấp ngay từ khi giao kết, bao gồm phương thức, phạm vi, luật áp dụng và nguyên tắc bảo mật. Có thể khuyến khích mô hình giải quyết nhiều tầng theo hướng thương lượng - hòa giải - trọng tài hoặc Tòa án, nhưng phải quy

định rõ thời hạn và điều kiện chuyển bước nhằm tránh kéo dài tranh chấp. Hòa giải và trọng tài đặc biệt phù hợp với những tranh chấp cần bảo mật và có yêu cầu chuyên môn cao (WIPO, 2021).

3.4.4. Xây dựng cơ chế quản trị chứng cứ, dữ liệu và phối hợp thực thi

Cần nâng cao khả năng chia sẻ, liên thông thông tin giữa các cơ quan có thẩm quyền và xây dựng quy trình bảo toàn, cung cấp dữ liệu trong các vụ việc trên môi trường số. Đối với doanh nghiệp và chủ thể quyền, cần chuyển từ xử lý tranh chấp bị động sang quản trị rủi ro, chú trọng lưu giữ hồ sơ sáng tạo, chuẩn hóa hợp đồng, giám sát thị trường và chuẩn bị chứng cứ từ sớm. Đồng thời, việc triển khai Luật số 131/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn cần được tổng kết định kỳ để kịp thời xác định những vấn đề cần sửa đổi, hướng dẫn hoặc đào tạo chuyên môn.

4. Kết luận

Pháp luật và tổ chức xét xử về sở hữu trí tuệ tại Việt Nam đang có những chuyển biến quan trọng, tạo cơ sở nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, các vấn đề về chứng cứ, giám định, chứng minh thiệt hại và thời gian giải quyết vẫn là những điểm nghẽn đáng chú ý. Thời gian tới, cần tiếp tục hoàn thiện hướng dẫn áp dụng pháp luật, nâng cao chuyên môn của Tòa Sở hữu trí tuệ, phát huy hòa giải và trọng tài, đồng thời tăng cường quản trị chứng cứ, dữ liệu và rủi ro sở hữu trí tuệ nhằm bảo vệ hiệu quả quyền và thúc đẩy đổi mới sáng tạo ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Khoa học và Công nghệ. (2026). Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ và các nghị định có liên quan.

Chính phủ. (2017). Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 về hòa giải thương mại.

Chính phủ. (2023). Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.

Chính phủ. (2026). Nghị định số 134/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.

Quốc hội. (2005). Luật số 50/2005/QH11: Luật Sở hữu trí tuệ, ban hành ngày 29/11/2005.

Quốc hội. (2010). Luật số 54/2010/QH12: Luật Trọng tài thương mại, ban hành ngày 17/6/2010.

Quốc hội. (2015). Bộ luật số 92/2015/QH13: Bộ luật Tố tụng dân sự, ban hành ngày 25/11/2015.

Quốc hội. (2025a). Luật số 131/2025/QH15: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, ban hành ngày 10/12/2025.

Quốc hội. (2025b). Luật số 81/2025/QH15: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, ban hành ngày 24/6/2025.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội. (2025). Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

World Intellectual Property Organization. (2004). WIPO intellectual property handbook: Policy, law and use (2nd ed.). World Intellectual Property Organization.

World Trade Organization. (1994). Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights (TRIPS), Part III - Enforcement of Intellectual Property Rights. World Trade Organization.